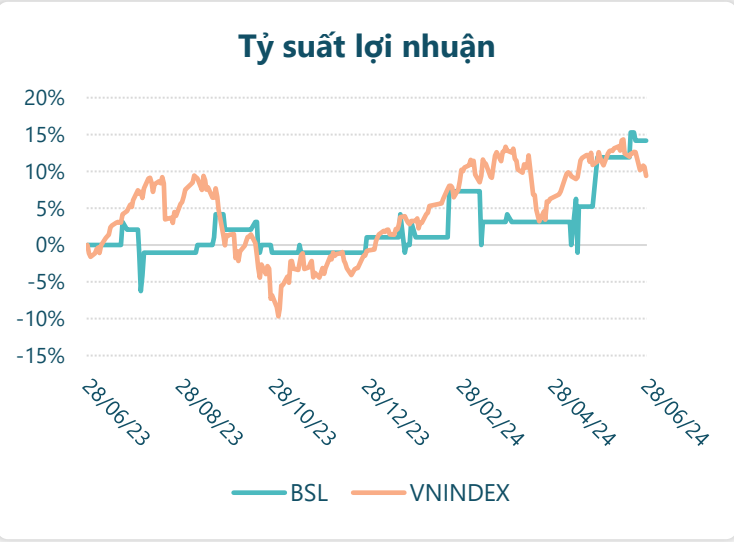


Ngày	10,200 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.0%	9.6%	15.4%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,376 - 10,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	459
Số lượng CPLH (CP)	45,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	830
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.13
EPS	706
P/E	14.4



Doanh thu thuần

Q2/24

239

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 60.0 | 33.5%

YoY: ▲ 49.0 | 25.8%

Nợ/VCSH

Q2/24

48.0%

YoY: +/-▲ 11.2%

LN gộp

Q2/24

16.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.0 | 275%

YoY: ▲ 5.70 | 53.4%

ROE (TTM)

Q2/24

6.6%

YoY: +/-▲ 1.1%

LN trước thuế

Q2/24

15.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.5 | 486%

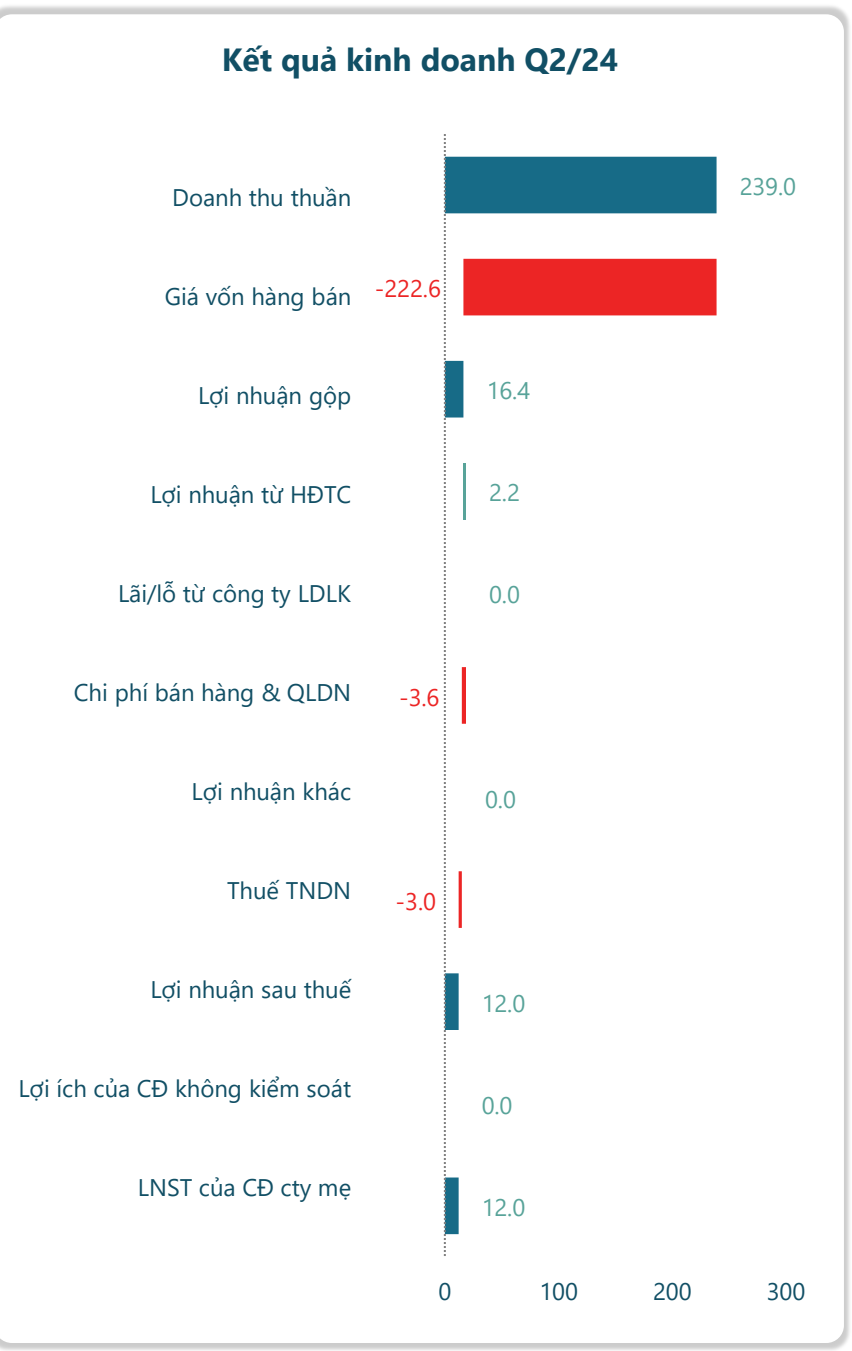
YoY: ▲ 5.70 | 60.1%

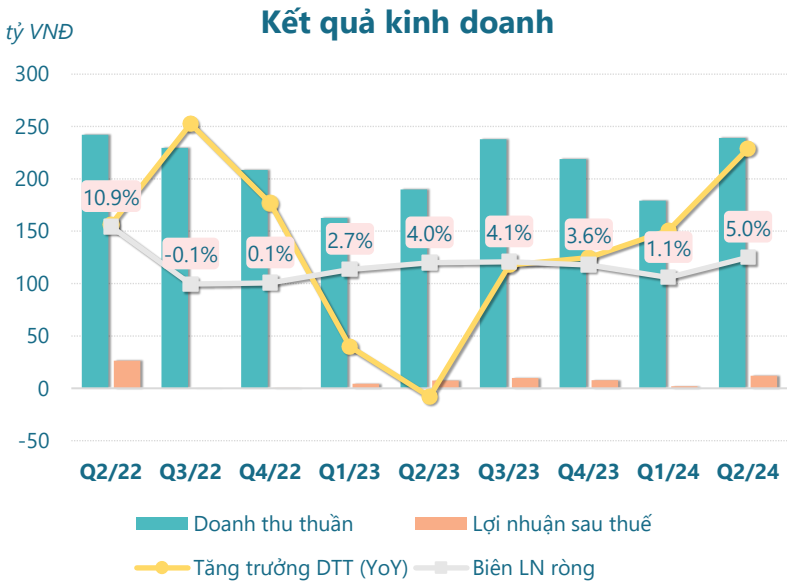
ROA (TTM)

Q2/24

4.7%

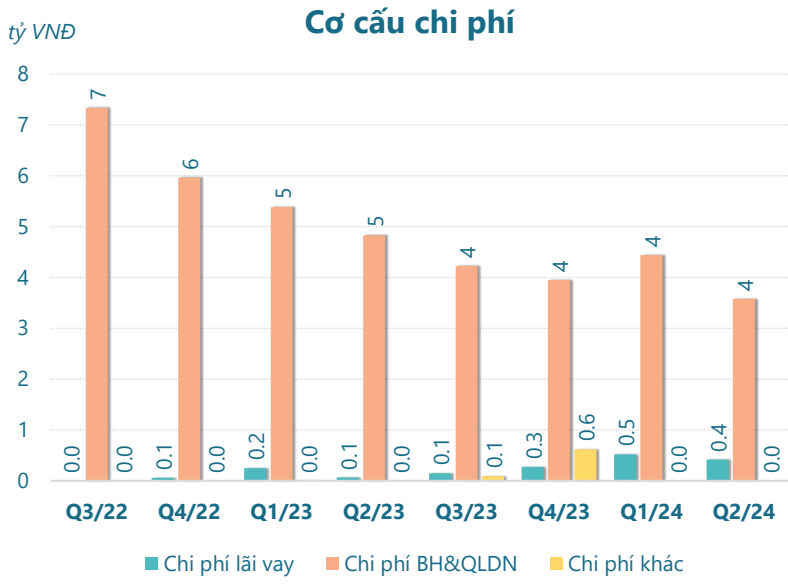
YoY: +/-▲ 0.5%





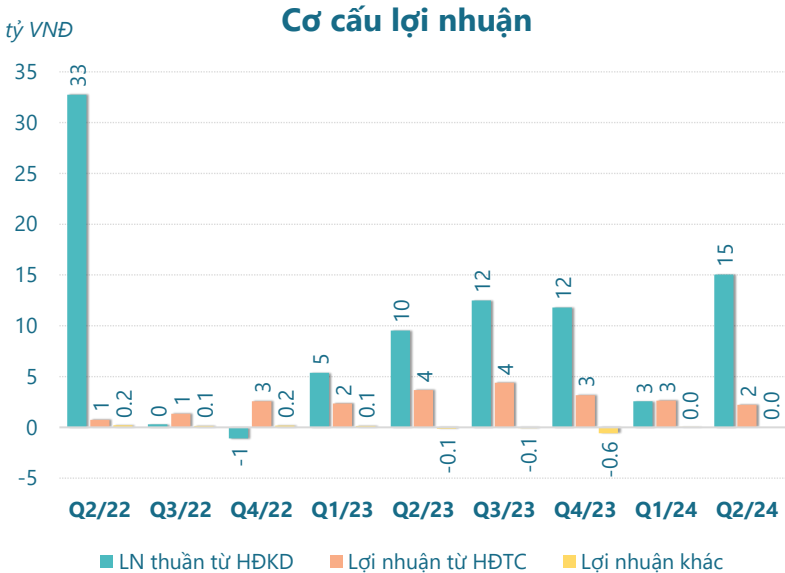
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 15.05 tỷ đồng**, tăng thêm 486% so với kỳ trước và cao hơn 57.9% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 2.22 tỷ đồng**, giảm đi 15.6% so với kỳ trước và thấp hơn 39.5% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **bằng 0** không đổi so với kỳ trước và tăng thêm 0.14 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **BSL** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **239.0 tỷ đồng** tăng thêm **25.8%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 12.04 tỷ đồng, tăng trưởng 60.1%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **418.0 tỷ đồng** cao hơn 18.4% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 14.00 tỷ đồng** cao hơn 16.7% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **0.42 tỷ đồng** giảm đi 19.2% so với kỳ trước và cao hơn 600% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **3.58 tỷ đồng** giảm đi 19.4% so với kỳ trước và thấp hơn 25.9% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	239	179	33.5%	190	25.8%	418	353	18.6%
Giá vốn hàng bán	223	175	27.2%	179	24.3%	397	333	19.1%
Lợi nhuận gộp	16.4	4.38	275%	10.7	53.4%	20.8	19.1	8.7%
Doanh thu HĐTC	2.63	3.14	-16.1%	3.73	-29.4%	5.78	6.31	-8.5%
Chi phí TC	0.42	0.52	-20.1%	0.06	592%	0.93	0.31	198%
Chi phí lãi vay	0.42	0.52	-20.1%	0.06	592%	0.93	0.31	198%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.32	0.24	34.7%	0.00		0.56	0	
Chi phí QLDN	3.26	4.20	-22.4%	4.83	-32.6%	7.46	10.2	-27.0%
LN thuần từ HĐKD	15.1	2.57	486%	9.53	57.9%	17.6	14.9	18.1%
Lợi nhuận khác	0	0.00		-0.14	100%	0.00	0.01	-50.6%
LN trước thuế	15.1	2.57	486%	9.40	60.1%	17.6	14.9	18.1%
Lợi nhuận sau thuế	12.0	2.05	487%	7.52	60.1%	14.1	11.9	18.1%
LNST của CĐ cty mẹ	12.0	2.05	487%	7.52	60.1%	14.1	11.9	18.1%

